

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày: 29/3/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phước Mãng.

Ông Lê Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Thông báo về việc dời phiên tòa số: 01/2023/HSST-TB ngày 21 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Ph; Sinh ngày: 08/6/1971; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 224/3/7 đường PVC, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 565/18/8 đường BT, Phường J, Quận K Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ và bà: Nguyễn Ngọc L; Có chồng: Là ông Phó Thuận Ph (đã ly hôn) và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 05/7/2022 đến ngày 11/7/2022 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Ông Trần Minh T; Sinh năm: 1979; Thường trú: 416/61 đường NĐC, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 278A đường CMT8, Phường J, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Võ Thị Kim L; Sinh năm: 1970; Thường trú: 177/38 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 288/15 đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Ch; Sinh năm: 1950; Thường trú: B8/22 Ấp B, xã QĐ, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 174/12 đường MC, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Th; Sinh năm: 1976; Thường trú: 174/21 đường MC, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian bán nước giải khát tại bãi đất trống gần khu vực đường ADV, Phường P, Quận H. Khoảng tháng 5/2015, Nguyễn Ngọc Ph có quen biết với Nguyễn Thị Th, biết Th đang thuê nhà của ông Nguyễn Văn Ch tại địa chỉ 174/21 đường MC, Phường O, Quận H để ở, đồng thời biết Th cũng đang cần tiền nên Ph nói với Th có quen với một người chuyên làm giấy tờ giả và rủ Th làm giả giấy tờ căn nhà đang thuê để bán hoặc thế chấp cho người khác lấy tiền tiêu xài, Th đồng ý.

Sau đó, Ph thuê một người tên T (không rõ lai lịch) làm giả bộ hồ sơ nhà số 174/21 đường MC, Phường O, Quận H mang tên Nguyễn Thị Th với giá 5.000.000 đồng. Khi có bộ hồ sơ nhà đất giả gồm: 01 Giấy sang nhượng đất viết tay ngày 02/11/2000 (ông Lưu M đồng ý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ch 32m² đất với giá 200.000.000 đồng); 01 Hợp đồng mua bán nhà viết tay ngày 01/01/2006 (nội dung ông Nguyễn Văn Ch bán căn nhà số 174/21 đường MC, Phường O, Quận H cho Nguyễn Thị Th với giá 400.000.000 đồng); 01 Thông báo tạm cấp số nhà 174/21 đường MC, Phường O, Quận H do ông Đỗ Sơn L ký ngày 23/5/2006; 01 Tờ đăng ký nhà - đất (có chữ ký xác nhận của ông Dương Tiến Ph ngày 01/10/1999); 01 Biên lai thu thuế nhà, đất ngày 21/6/2014; 01 bản photo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Nguyễn Thị Th, Ph đưa cho Th cất giữ, đồng thời liên lạc nhờ bà Võ Thị Kim L giới thiệu bán căn nhà 174/21 đường MC.

Ngày 21/5/2015, qua giới thiệu của bà L, Th bán căn nhà số 174/21 đường MC cho ông Trần Minh T với giá 300.000.000 đồng và trước khi bán nhà, Th cam kết căn nhà này là tài sản thuộc quyền sở hữu của Th, đồng thời cung cấp các giấy tờ có liên quan đến căn nhà. Sau khi xem giấy tờ nhà, ông T đồng ý mua và trả trước 150.000.000 đồng, số còn lại sẽ thanh toán vào ngày 21/11/2015. Do nhà chưa có chủ quyền, nên cùng ngày Th và ông T đã ra Phòng công chứng số 7 (địa chỉ: 388 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh) ký Hợp

đồng vay tiền (với nội dung: ông T cho Th vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng) để đảm bảo cho việc mua bán nhà.

Khi có 150.000.000 đồng, Th hẹn gặp Ph tại quán nước trên đường NVL, Quận F để cho Ph vay 75.000.000 đồng như thỏa thuận trước đó. Khi nhận tiền, Ph viết giấy vay với số tiền là 75.000.000 đồng, nhưng số tiền thực nhận là bao nhiêu thì Ph không nhớ và Ph có đóng tiền lãi cho Th được 01 tháng.

Ngày 19/6/2015, Th tiếp tục điện thoại yêu cầu ông T đưa thêm 100.000.000 đồng dù chưa đến hạn thanh toán. Nghi ngờ, ông T đi tìm hiểu thì được biết căn nhà số 174/21 đường MC không phải là tài sản của Th nên đến Công an Phường 12, Quận 6 trình báo sự việc, đồng thời giao nộp toàn bộ giấy tờ liên quan đến căn nhà này. Đến 10 giờ ngày 20/6/2015, khi Th đến Phòng công chứng số 7 gặp ông T nhận tiền như đã hẹn thì bị bắt giữ.

Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định «Tờ đăng ký nhà - đất» họ tên người đăng ký: Lưu M, sinh năm 1951, đề ngày xác nhận đã đăng ký nhà - đất: 1/10/99 và «Thông báo tạm cấp số nhà» số: 1240/TB-UBND-P.QLĐT, đề ngày 23/5/2006. Và tại Kết luận giám định số: 344/KLGĐ-TT ngày 02 tháng 3 năm 2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung: «UBND Phường 15 Quận 8 TP.Hồ Chí Minh» trên «Tờ đăng ký nhà - đất» đề ngày xác nhận đã đăng ký nhà - đất: 1/10/99, là dấu đóng và tô vẽ thủ công.

- Hình dấu tròn có nội dung: «UBND Quận 8 TP.Hồ Chí Minh» trên «Thông báo tạm cấp số nhà» số: 1240/TB-UBND-P.QLĐT, đề ngày 23/5/2006, là dấu đóng và tô vẽ thủ công.

Ngày 30 tháng 6 năm 2015, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 187/QĐKTVA/TTXH); Ngày 11 tháng 12 năm 2015 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Ngọc Ph về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» (Quyết định số: 28) và Lệnh bắt bị can để tạm giam (Lệnh số: 04).

Ngày 18 tháng 12 năm 2015, sau khi tiến hành điều tra, xét thấy thời hạn điều tra đã hết, Nguyễn Ngọc Ph đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự (Quyết định số: 06/QĐTĐC-HS), Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can (Quyết định số: 01) và Quyết định truy nã đối với Nguyễn Ngọc Ph (Quyết định số: 01).

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, Nguyễn Ngọc Ph bị Công an Phường 12, Quận 10 bắt theo Quyết định truy nã. Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định đình chỉ (Quyết định số: 04/QĐĐN-ĐCSHS). Ngày 11 tháng 7 năm 2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự (Quyết định số: 05/QĐ-ĐCSHS), Quyết định phục hồi điều tra bị can (Quyết định số: 04/QĐ-ĐCSHS) và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú với nội dung: Nguyễn Ngọc Ph chỉ được phép cư trú tại căn hộ 02-20.11, chung cư Hà Đô - số 200 đường BTH, Phường L, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với hành vi thuê người tên T làm giả giấy tờ căn nhà số 174/21 đường MC, Phường O, Quận H của Nguyễn Ngọc Ph. Do chưa xác định được đối tượng làm giả. Mặt khác, Ph không bị truy nã về hành vi này, nhưng đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Th, ngày 30 tháng 8 năm 2016 Tòa án nhân dân Quận 6 đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt Nguyễn Thị Th 04 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» và 01 năm tù về tội «Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 05 năm tù (Bản án số: 132/2016/HSST).

Tại Cáo trạng số: 84/CT-VKS-Q6 ngày 24 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Ph về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Ngọc Ph khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Ph như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ph từ 03 năm đến 04 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân Quận 6, nên không đề nghị giải quyết.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Ngọc Ph nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc Ph tại phiên tòa với Biên bản tạm giữ tang vật; Kết luận giám định số: 344/KLGĐ-TT ngày 02/3/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của bị hại Trần Minh T; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Thị Kim L, Nguyễn Thị Th và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Ph đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 1999).

Khoảng tháng 5/2015, sau khi thống nhất cùng Nguyễn Thị Th làm giả bộ hồ sơ nhà đất mang tên Th, tọa lạc tại địa chỉ 174/21 đường MC, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đem bán hoặc thế chấp cho người khác lấy tiền, bị cáo Nguyễn Ngọc Ph đã liên lạc thuê một người tên T làm giả bộ hồ sơ gồm: 01 Giấy sang nhượng đất viết tay ngày 02/11/2000; 01 Hợp đồng mua bán nhà viết tay ngày 01/01/2006; 01 Thông báo tạm cấp số nhà số: 1240/TB-UBND-P.QLĐT, đề ngày 23/5/2006; 01 Tờ đăng ký nhà - đất (có chữ ký xác nhận của ông Dương Tiến Phát ngày 01/10/1999); 01 Biên lai thu thuế nhà, đất ngày 21/6/2014; 01 bản photo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Nguyễn Thị Th với giá 5.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo chủ động gọi điện thoại nhờ bà Võ Thị Kim L giới thiệu bán căn nhà này, đồng thời cho bà L số điện thoại của Th để tiện liên lạc và qua giới thiệu của bà L, Th đã bán căn nhà 174/21 đường MC cho ông Trần Minh T lấy 150.000.000 đồng. Mặc dù bị cáo khai không biết Th bán căn nhà 174/21 đường MC cho ai, bán như thế nào, bán với giá bao nhiêu, bị cáo cũng không hưởng lợi gì từ việc bán nhà. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cho thấy, bị cáo biết rất rõ căn nhà 174/21 đường MC thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị Th chỉ là người thuê lại nhà của ông Châm để ở, nhưng bị cáo vẫn thuê người làm giả giấy tờ nhà rồi nhờ người giới thiệu cho Th bán căn nhà này. Tại phiên tòa, bị cáo cũng thừa nhận khi Th và ông T hẹn nhau đến Phòng công chứng số 7, địa chỉ 388 đường NVL, Phường L, Quận F, Th có nói với bị cáo. Đến chiều tối cùng ngày, sau khi bán được nhà Th gọi điện thoại báo cho bị cáo biết đã nhận được 150.000.000 đồng và hẹn bị cáo ra quán nước trên đường NVL để đưa một nửa tiền bán nhà cho bị cáo (sau khi trừ các chi phí môi giới, làm giấy tờ giả,.... Số tiền bị cáo thực tế nhận còn khoảng 58.000.000 đồng). Cho thấy, trong vụ án này, bị cáo là người rủ rờ, khởi xướng việc làm giả giấy tờ nhà nhằm mục đích bán hoặc thế chấp cho người khác lấy tiền và nếu không có bị cáo thì Th không thể bán được căn nhà số 174/21 đường MC. Cho nên, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi cũng như hậu quả xảy ra tương ứng với tính chất của đồng phạm và tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Và thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là tháng 5/2015 (thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật). Do đó, để đảm bảo tính hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian quy

định tại khoản 1 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 1999, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng» theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Ph và đồng phạm không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Ph là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc Ph là nghiêm trọng. Mặt khác, trong thời gian được tại ngoại để điều tra, bị cáo đã bỏ trốn, điều này dẫn đến việc kéo dài thời gian, gây cản trở, khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu (chưa có tiền án, tiền sự); bản thân đang mắc nhiều bệnh cần được điều trị thường xuyên (gan nhiễm mỡ, sỏi thận, đục thủy tinh thể, rối loạn trầm cảm hỗn hợp...), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của bị cáo theo quy định tại Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo Nguyễn Ngọc Ph còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Đã giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân Quận 6, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng mà Tòa án nhân dân Quận 6 đã tuyên buộc Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Minh T tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2016/HSST ngày 30/8/2016, nếu sau này Nguyễn Thị

Th có yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc Ph hoàn trả lại thì Nguyễn Thị Th có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

[7] Việc xử lý vật chứng: Đã được xem xét xử lý xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2016/HSST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân Quận 6, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Đối với Nguyễn Thị Th, ngày 30/8/2016, Tòa án nhân dân Quận 6 đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt Nguyễn Thị Th 04 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» và 01 năm tù về tội «Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức», do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với hành vi thuê người làm giả giấy tờ căn nhà số 174/21 đường MC, Phường O, Quận H của Nguyễn Ngọc Ph. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xác định đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặt khác, từ khi thực hiện hành vi phạm tội đến nay, Ph không bị truy nã về hành vi này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Đối với bà Võ Thị Kim L, quá trình điều tra xác định bà L không biết việc bị cáo Nguyễn Ngọc Ph và Nguyễn Thị Th làm giấy tờ nhà đất giả để bán căn nhà 174/21 đường MC, Phường O, Quận H cho ông Trần Minh T nhằm chiếm đoạt tiền, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Bị cáo Nguyễn Ngọc Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Ph** phạm tội: «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản».

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Ph** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/7/2022 đến ngày 11/7/2022.

- Trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 150.000.000 đồng mà Tòa án nhân dân Quận 6 đã tuyên buộc Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Minh T tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2016/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2016, nếu sau này Nguyễn Thị Th có yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc Ph hoàn trả lại thì Nguyễn Thị Th có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Ph phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Trần Minh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy L